TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tuấn

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 73/8 đường Hoàng Anh, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, Long An.

Địa chỉ liên hệ: Số 48 đường Trần Văn Nam, phường 3, thành phố Tân An, Long An.

2/ Bị đơn: Ông Lương Trung Hoàng H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 73/8 đường Hoàng Anh, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, Long An.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H quen biết và tìm hiểu nhau thời gian 4 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2014. Quá trình chung sống ban đầu cũng đầm ấm và hạnh phúc, nhưng dần về sau khoảng năm 2015 trở đi thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Hh thường xuyên nhắn tin với bạn gái, không lo làm ăn, bà đã nói chuyện với ông H, ông H hứa sửa đổi bản thân nhưng không thay đổi, vợ chồng ly thân từ ngày 20/10/2020 và bà đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lương Như N, sinh ngày 02/01/2015, con đang ở cùng với ông H. Khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Lương Trung Hoàng H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như bà T trình bày. Theo ông, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông có nhắn tin với bạn khác giới trên zalo. Hiện nay bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ thương con, ông xin hứa sẽ thay đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: có 01 con chung tên Lương Như N, sinh ngày 02/01/2015, con đang ở cùng với ông. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con, việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy bà Lê Thị Mộng T và ông Lương Trung Hoàng H kết hôn từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 06/6/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ nguyên nhân do tính tình không hợp. Nay bà Lê Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Lương Trung Hoàng H. Ông H không đồng ý việc ly hôn, ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T. Ông thừa nhận là có nhắn tin với bạn khác giới trên Zalo. Ông hứa sẽ sửa đổi. Ông muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng ông không đưa ra được biện pháp khắc phục. Bà Lê Thị Mộng T kiên quyết được yêu cầu ly hôn với ông H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Mộng T và ông Lương Trung Hoàng H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không hòa giải được, do đó căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mộng T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lương Như N, sinh ngày 02/1/2015 hiện con chung đang sống với ông H. Bà T đồng ý giao con cho ông H nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H.

Giao con chung Lương Như N, sinh ngày 02/1/2015, cho ông H nuôi dưỡng.

Bà T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1: Về thẩm quyền:

Bà Lê Thị Mộng T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lương Trung Hoàng H. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2: Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 22/12/2020 bà Lê Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho ông Lương Trung Hoàng H nhưng vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1: Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng T và ông Lương Trung Hoàng H có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T, Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/06/2014 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

Tại quá trình giải quyết vụ án, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông H tại nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân phường 3 không nắm rõ nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp nên không cung cấp được cho Tòa án.

Thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông H thường xuyên nhắn tin với bạn gái, không lo làm ăn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cương quyết ly hôn. Về phía ông H xác định nguyên nhân bà T xin ly hôn là do ông có nhắn tin với bạn khác giới trên zalo nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà T. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho ông H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía ông H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà T nữa, cả bà T và ông H mạnh ai nấy sống nên không có điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà T và ông H không còn, tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2: Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông H là giao con chung tên Lương Như N, sinh ngày 02/01/2015 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà T và ông H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3: Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4: Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[3] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Mộng T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Lương Trung Hoàng H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Lương Như N, sinh ngày 02/01/2015 cho ông Lương Trung Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Lê Thị Mộng T và ông Lương Trung Hoàng H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu tiền án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004927 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP T;
- CC.THADS TP T;
- UBND (xã) phường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan